

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Quý 4 năm 2022**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 37

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.223.942.797.870</b>	<b>1.144.196.364.131</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>37.822.587.227</b>	<b>96.711.586.478</b>
1. Tiền	111		6.422.587.227	2.311.586.478
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.400.000.000	94.400.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>23.663.760.686</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.a	-	23.663.760.686
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.164.453.547.506</b>	<b>995.242.588.311</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	53.390.922.337	27.473.336.761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	869.800.000	973.494.510
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.a	389.925.628.040	374.569.778.943
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	753.205.600.706	615.087.356.149
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(32.938.403.577)	(22.861.378.052)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>17.298.527.842</b>	<b>25.817.937.982</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.298.527.842	25.817.937.982
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.368.135.295</b>	<b>2.760.490.674</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	1.693.672.570	16.769.998
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.009.007.260	1.081.190.725
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.a	1.665.455.465	1.662.529.951
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.551.865.221.868</b>	<b>3.428.732.336.723</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>261.080.000.000</b>	<b>108.880.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.b	261.080.000.000	108.880.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>454.409.453</b>	<b>729.951.487</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	454.409.453	729.951.487
2. - Nguyên giá	222		3.216.170.971	3.143.834.571
3. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.761.761.518)	(2.413.883.084)
4. - Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.286.742.562.357</b>	<b>3.314.804.447.204</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10.a	2.455.670.485.071	2.484.118.823.206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10.b	831.072.077.286	827.175.623.998
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.b	-	3.510.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.588.250.058</b>	<b>4.317.938.032</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	3.588.250.058	4.317.938.032
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>4.775.808.019.738</b>	<b>4.572.928.700.854</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.761.994.268.333</b>	<b>1.743.936.513.278</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.280.234.489.011</b>	<b>1.175.552.920.377</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	173.934.572.992	173.234.386.341
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	464.065.528.778	463.743.722.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.b	262.829.834	205.612.052
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	631.347.984	792.233.869
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	300.918.425.371	220.823.305.821
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	339.158.493.151	315.323.493.151
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.263.290.901	1.430.166.880
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>481.759.779.322</b>	<b>568.383.592.901</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	101.051.029.322	105.846.842.901
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	380.708.750.000	462.536.750.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.013.813.751.405</b>	<b>2.828.992.187.576</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>3.013.813.751.405</b>	<b>2.828.992.187.576</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	81.310.130.378
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		990.395.402.824	815.476.659.102
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		722.895.466.053	617.420.256.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		267.499.936.771	198.056.402.149
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>4.775.808.019.738</b>	<b>4.572.928.700.854</b>

Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho kỳ kế toán Quý 4 và Lũy kế năm 2022

Mẫu số B 02 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ 01/01 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.182.361.870	745.208.738	7.591.598.496	3.339.223.311
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		2.182.361.870	745.208.738	7.591.598.496	3.339.223.311
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.554.187.009	337.558.918	5.262.990.195	2.992.766.951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		628.174.861	407.649.820	2.328.608.301	346.456.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	161.817.691.811	113.788.792.281	370.571.029.601	296.636.718.103
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	31.522.582.076	18.678.147.987	87.979.874.548	79.759.763.562
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.062.593.941	18.678.147.987	84.519.886.413	79.759.763.562
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.543.925.689	13.511.366.391	17.737.726.583	19.182.619.063
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		119.379.358.907	82.006.927.723	267.182.036.771	198.040.791.838
10. Thu nhập khác	31		318.200.000	16.000.000	318.200.000	16.000.000
11. Chi phí khác	32		-	-	300.000	389.689
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		318.200.000	16.000.000	317.900.000	15.610.311
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		119.697.558.907	82.022.927.723	267.499.936.771	198.056.402.149
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		119.697.558.907	82.022.927.723	267.499.936.771	198.056.402.149

Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30. tháng 01. năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	267.499.936.771	198.056.402.149
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	347.878.434	345.172.526
Các khoản dự phòng	03	10.077.025.525	10.724.158.933
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(370.571.029.601)	(296.636.718.103)
Chi phí lãi vay	06	76.117.371.105	79.759.763.562
Các khoản điều chỉnh khác	07	11.862.503.443	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.666.314.323)	(7.751.220.933)
Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	2.372.430.579	358.734.566
Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	116.894.832	1.178.915.545
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.106.465.251	14.329.541.520
Giảm chi phí trả trước	12	(947.214.598)	(310.511.761)
Tiền lãi vay đã trả	14	(43.213.749.859)	(63.200.402.274)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.147.440.000)	(1.461.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(44.378.928.118)	(56.856.043.337)
			-
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(72.336.400)	(31.790.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(225.526.239.314)	(223.829.454.880)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.144.150.903	43.500.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.896.453.288)	(18.078.809.452)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	128.011.633.156	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	136.964.079.810	279.041.383.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	120.624.834.867	80.601.328.745

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.600.000.000	16.870.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.593.000.000)	(53.669.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(77.141.906.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(135.134.906.000)</b>	<b>(36.799.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(58.888.999.251)</b>	<b>(13.053.714.592)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>96.711.586.478</b>	<b>109.765.301.070</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>37.822.587.227</b>	<b>96.711.586.478</b>

Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477 - 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 27 (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 20).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng công trình đường sắt; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; .....

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**

**Cấu trúc công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang -Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
<b>Công ty liên doanh</b>				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán báo cáo Quý 4/2022 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

#### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

#### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm phí cam kết rút vốn vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay vốn của Công ty. Phí cam kết là một số tiền cố định hoặc tỷ lệ phần trăm của số tiền vay. Phí cam kết rút vốn được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

#### Ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.422.587.227	2.311.586.478
Các khoản tương đương tiền	31.400.000.000	94.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.822.587.227</b>	<b>96.711.586.478</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 1.500.000.000 đồng tiền gửi đang được dùng để bảo lãnh thực hiện các dự án và cầm cố cho khoản vay (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 15.000.000.000 tỷ đồng).

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	23.663.760.686	23.663.760.686
<b>b. Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.510.000.000	3.510.000.000

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (i)	30.041.154.640	3.780.751.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.945.801.731
Các khách hàng khác	9.821.506.758	9.701.302.758
<b>Cộng</b>	<b>53.390.922.337</b>	<b>27.473.336.761</b>
<b>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.810.378.320	1.320.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.096.638.889	431.312.458
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh	198.209.000	
Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	297.294.358	
Công ty CII	24.988.350.000	379.155.000
<b>Cộng</b>	<b>30.041.154.640</b>	<b>3.780.751.531</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Nhà cung cấp khác	869.800.000	973.494.510
<b>Cộng</b>	<b>869.800.000</b>	<b>973.494.510</b>

**5. Phải thu về cho vay**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
<b><i>Phải thu bên khác không phải là bên liên qua</i></b>	<b>231.425.250.000</b>	<b>231.425.250.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>158.500.378.040</b>	<b>143.144.528.943</b>
Công ty CII	139.500.378.040	97.701.528.943
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	19.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Nin	-	39.500.000.000
Cty CP XD Hạ Tầng CII	-	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	5.943.000.000
<b>Cộng ngắn hạn</b>	<b>389.925.628.040</b>	<b>374.569.778.943</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>261.080.000.000</b>	<b>108.880.000.000</b>
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	256.880.000.000	104.680.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	4.200.000.000	4.200.000.000
<b>Cộng dài hạn</b>	<b>261.080.000.000</b>	<b>108.880.000.000</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>651.005.628.040</b>	<b>483.449.778.943</b>

(i) Khoản hỗ trợ này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty và công ty đang thực hiện các thủ tục hồ sơ về công tác chuyển nhượng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**5. Phải thu về cho vay (tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết các khoản phải thu về cho vay**

Bên vay	Số dư cuối kỳ	Thời hạn cho vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất cho vay	Mục đích cho vay	Tài sản đảm bảo
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000		31/12/2023	11%/năm	Góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Đảm bảo bằng phần vốn góp của Công ty Tuấn Lộc trong Công ty
Công ty CII	139.500.378.040	1 năm	31/12/2023	11%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	19.000.000.000	6 tháng	02/05/2023	11,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>						
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	256.880.000.000	5 năm	25/11/2025	11%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	4.200.000.000	5 năm	19/03/2026	8,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	543.625.051.049	443.044.326.507
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	197.854.783.435	160.443.048.427
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Các khoản chi hộ	212.536.871	32.005.864
Phải thu người lao động	-	65.500.000
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	1.066.625.841	1.055.871.841
<b>Cộng</b>	<b>753.205.600.706</b>	<b>615.087.356.149</b>
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>		
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	<b>543.625.051.049</b>	<b>443.044.326.507</b>
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	108.423.551.854	126.581.051.082
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	281.782.929.178	156.542.865.764
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	153.418.570.017	153.418.570.017
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	6.501.839.644
<i>Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn</i>	<b>12.617.148.613</b>	<b>340.484.375</b>
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	12.617.148.613	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	340.484.375
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
Khoản phải thu phụ cấp HĐTV của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miểu	600.000.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>556.842.199.662</b>	<b>443.984.810.882</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2022		01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.857.153.516	1.693.348.003	(21.163.805.513)	23.229.054.213	(21.535.706.211)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	869.800.000	-	(869.800.000)	869.800.000	(869.800.000)
Phải thu ngắn hạn khác	10.904.798.064	-	(10.904.798.064)	455.871.841	(455.871.841)
<b>Cộng</b>	<b>34.631.751.580</b>	<b>1.693.348.003</b>	<b>(32.938.403.577)</b>	<b>24.554.726.054</b>	<b>(22.861.378.052)</b>

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	31/12/2022	Năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	(22.861.378.052,0)	(12.137.219.119)
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	(10.540.047.058,0)	(10.810.953.933)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	463.021.533,00	86.795.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(32.938.403.577)</b>	<b>(22.861.378.052)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>17.298.527.842</b>	-	<b>26.885.553.527</b>	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B. O. T chưa khai thác</i>	16.805.030.618	-	25.207.545.926	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	493.497.224	-	499.092.056	-
Hàng hóa	-	-	<b>111.300.000</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>17.298.527.842</b>	-	<b>25.817.937.982</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2022	854.759.656	2.257.284.915	31.790.000	3.143.834.571
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	72.336.400	72.336.400
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>854.759.656</b>	<b>2.257.284.915</b>	<b>104.126.400</b>	<b>3.216.170.971</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2022	742.763.099	1.671.119.985	-	2.413.883.084
Khấu hao trong kỳ	62.042.094	253.136.884	32.699.456	347.878.434
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>804.805.193</b>	<b>1.924.256.869</b>	<b>32.699.456</b>	<b>2.761.761.518</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2022	111.996.557	586.164.930	31.790.000	729.951.487
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>49.954.463</b>	<b>333.028.046</b>	<b>71.426.944</b>	<b>454.409.453</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 955.566.734 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 303.876.325 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**10. Đầu tư tài chính**

	31/12/2022		01/01/2022		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	(i)	-	943.500.000.000
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	(i)	-	607.325.833.333
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	(i)	-	335.996.028.454
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	(i)	-	242.278.623.284
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	(i)	-	219.980.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		106.590.000.000			106.590.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (ii)			(i)	-	28.448.338.135
<b>Cộng</b>		<b>2.455.670.485.071</b>			<b>2.484.118.823.206</b>
<b>b. Đầu tư vào công ty liên doanh</b>					
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	831.072.077.286	(i)	-	827.175.623.998
<b>Cộng</b>		<b>831.072.077.286</b>			<b>827.175.623.998</b>

(i) Giá trị hợp lý của các công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Ngày 05/10/2022 Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn. Như vậy kể từ ngày này Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn không còn là công ty con của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**11. Chi phí trả trước**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.693.672.570	16.769.998
<b>b. Dài hạn</b>		
Phí quản lý tài khoản ngân hàng	-	1.479.472.643
Cải tạo kho An Dương Vương	3.262.304.606	2.215.099.485
Hệ thống máy lạnh VP An Dương Vương	325.945.452	623.365.904
<b>Cộng</b>	<b>3.588.250.058</b>	<b>4.317.938.032</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.281.922.628</b>	<b>4.334.708.030</b>
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	780.217.000	-

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	160.312.149.532	160.312.149.532	159.455.870.832	159.455.870.832
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.898.914.016	1.898.914.016	2.055.006.065	2.055.006.065
<b>Cộng</b>	<b>173.934.572.992</b>	<b>173.934.572.992</b>	<b>173.234.386.341</b>	<b>173.234.386.341</b>

**(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan**

Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.538.847.730	1.538.847.730	682.569.030	682.569.030
<b>Cộng</b>	<b>160.312.149.532</b>	<b>160.312.149.532</b>	<b>159.455.870.832</b>	<b>159.455.870.832</b>

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	1.215.148.778	893.342.263
<b>Cộng</b>	<b>464.065.528.778</b>	<b>463.743.722.263</b>

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHỖ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	485.098.396	-	2.925.514	488.023.910
<b>Cộng</b>	<b>1.662.529.951</b>	<b>-</b>	<b>2.925.514</b>	<b>1.665.455.465</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế đất	-	436.710.716	436.710.716	-
Thuế thu nhập cá nhân	205.612.052	1.197.460.773	1.140.242.991	262.829.834
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>205.612.052</b>	<b>1.637.171.489</b>	<b>1.579.953.707</b>	<b>262.829.834</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	631.347.984	672.233.869
Chi phí phải trả khác	-	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>631.347.984</b>	<b>792.233.869</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**16. Phải trả khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a. Phải trả ngắn hạn</b>		
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư (i)	122.414.311.928	
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	84.714.509.355	159.781.500.895
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	66.228.986.167	35.741.764.593
Thù lao Hội đồng quản trị	2.565.620.921	
Các khoản phải trả khác	6.647.000	311.690.333
	<b>300.918.425.371</b>	<b>220.023.305.021</b>
<b>b. Phải trả dài hạn</b>		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	93.751.029.322	86.851.164.129
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư		11.695.678.772
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	<b>101.051.029.322</b>	<b>105.846.842.901</b>
<b>Tổng Cộng</b>	<b>401.969.454.693</b>	<b>326.670.148.722</b>
<b>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miểu	84.714.509.355	159.781.500.895
Công ty CII	159.980.015.489	122.592.928.722
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Công ty CPĐT và PT Xây dựng Ninh Thuận (i)	122.414.311.928	11.695.678.772
<b>Cộng</b>	<b>392.097.186.772</b>	<b>319.058.458.389</b>

(i) Đây là khoản thu hồi vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất thu phí, quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miểu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Công ty CII	270.053.493.151	270.053.493.151	3.600.000.000		266.453.493.151	266.453.493.151
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b</i> )	69.105.000.000	69.105.000.000	-	-	48.870.000.000	48.870.000.000
<b>Cộng</b>	<b>339.158.493.151</b>	<b>339.158.493.151</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>315.323.493.151</b>	<b>315.323.493.151</b>
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành Công ty CII	392.787.300.319	392.787.300.319	-	61.593.000.000	454.380.300.319	454.380.300.319
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	57.026.449.681	57.026.449.681	-	-	57.026.449.681	57.026.449.681
	(69.105.000.000)	(69.105.000.000)	-	-	(48.870.000.000)	(48.870.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>380.708.750.000</b>	<b>380.708.750.000</b>	<b>-</b>	<b>61.593.000.000</b>	<b>462.536.750.000</b>	<b>462.536.750.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG RIÊNG (tiếp theo)**

**17. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)**

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CII	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	48.470.000.000	1 năm	13/04/2023	Lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	<b>270.053.493.151</b>					

**Vay dài hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	64.105.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,35%-11,75%	Tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miêu.
	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028		Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	
	<b>449.813.750.000</b>					

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

**Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	69.105.000.000	48.870.000.000
Trong năm thứ hai	77.026.449.681	81.828.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	205.000.000.000	187.026.449.681
Sau năm năm	98.682.300.319	193.682.300.319
<b>Cộng</b>	<b>449.813.750.000</b>	<b>511.406.750.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(69.105.000.000)	(48.870.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>380.708.750.000</b>	<b>462.536.750.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>81.310.130.378</b>	<b>618.590.251.953</b>	<b>2.632.105.780.427</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	198.056.402.149	198.056.402.149
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>81.310.130.378</b>	<b>815.476.659.102</b>	<b>2.828.992.187.576</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	267.499.936.771	267.499.936.771
Chia cổ tức	-	-	-	(77.141.906.000)	(77.141.906.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.902.820.107	(9.902.820.107)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.980.564.021)	(1.980.564.021)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(3.555.902.921)	(3.555.902.921)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>91.212.950.485</b>	<b>990.395.402.824</b>	<b>3.013.813.751.405</b>

Công ty trích quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 7 tháng 4 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Cổ tức**

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt với tỷ lệ 4% theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 08 năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 7 tháng 4 năm 2022 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2021 cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ dự kiến là 6%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	111.300.000	
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	1.003.895.402	1.525.884.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.476.403.094	1.813.338.856
<b>Cộng</b>	<b>7.591.598.496</b>	<b>3.339.223.311</b>

***Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan***

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	2.165.279.886	687.272.728
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	2.131.740.945	667.272.728
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	261.818.184	21.818.182
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	897.510.975	18.181.818
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	272.727.272	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.003.895.402	
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	651.325.832	80.238.690
<b>Cộng</b>	<b>7.384.298.496</b>	<b>1.474.784.146</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Giá vốn bán hàng	111.300.000	
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình		1.429.319.767
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.151.690.195	1.563.447.184
<b>Cộng</b>	<b>5.262.990.195</b>	<b>2.992.766.951</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	307.864.555.726	246.667.564.367
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.706.473.875	49.969.153.736
<b>Cộng</b>	<b>370.571.029.601</b>	<b>296.636.718.103</b>

**Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan**

	307.864.555.726	246.667.564.367
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	125.240.063.414	63.549.095.161
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	90.264.500.772	80.819.507.188
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	-	26.100.894.520
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	-	74.728.067.498
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	92.359.991.540	1.470.000.000
<b>Lãi cho vay hỗ trợ vốn</b>	<b>33.874.324.768</b>	<b>21.156.789.455</b>
Công ty CII	12.856.269.461	7.677.651.077
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	2.685.880.555	3.924.763.887
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	3.576.041.097
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	17.451.808.335	5.223.069.890
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	69.221.667	481.630.626
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	352.800.002	273.632.878
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	359.178.082	-
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)	99.166.666	-
<b>Cộng</b>	<b>341.738.880.494</b>	<b>267.824.353.822</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Chi phí lãi vay	84.519.886.413	79.759.763.562
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty	3.459.988.135	-
<b>Cộng</b>	<b>87.979.874.548</b>	<b>79.759.763.562</b>
<b>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan</b>		
Công ty CII	32.944.507.131	32.119.336.584

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.272.364.396	4.251.930.357
Chi phí đồ dùng văn phòng	757.193.671	498.025.377
Chi phí khấu hao	1.815.392.882	26.319.758
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	10.077.025.525	10.724.158.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.815.750.109	3.682.184.638
<b>Cộng</b>	<b>17.737.726.583</b>	<b>19.182.619.063</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Thu nhập từ cho thuê xe	-	
Thu nhập khác	318.200.000	16.000.000
<b>Cộng</b>	<b>318.200.000</b>	<b>16.000.000</b>
<i>Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	318.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		16.000.000
<b>Cộng</b>	<b>318.000.000</b>	<b>16.000.000</b>

**7. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Chi phí khác	300.000	389.689
<b>Cộng</b>	<b>300.000</b>	<b>389.689</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	267.499.936.771	198.056.402.149
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	585.136.141	130.689.659
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(307.864.555.726)	(246.667.564.367)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(39.779.482.814)</b>	<b>(48.480.472.559)</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(39.779.482.814)</b>	<b>(48.480.472.559)</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
<b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	-	-
<b>Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Chi đầu tư vào công ty con	-	-
Chi đầu tư vào công ty liên doanh	3.896.453.288	18.078.809.452
	<b>3.896.453.288</b>	<b>18.078.809.452</b>
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	-
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	3.600.000.000	16.870.000.000
	<b>3.600.000.000</b>	<b>16.870.000.000</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	61.593.000.000	53.669.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	-	-
	<b>61.593.000.000</b>	<b>53.669.000.000</b>

**2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	267.499.936.771	198.056.402.149
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao	(2.970.846.031)	(2.970.846.032)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>264.529.090.740</b>	<b>195.085.556.117</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.372</b>	<b>1.012</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Không còn công ty con từ ngày 05/10/2022

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)</b>		
Chi trả cổ tức trong năm	42.268.936.800	
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.600.000.000	
Thu hồi công nợ tiền thuê kho	379.155.000	
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	78.500.000.000	74.200.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn của gốc và lãi	40.701.150.903	16.870.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>		
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.943.000.000	-
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	409.706.042	685.321.558
Thanh toán hợp đồng cung cấp thiết bị và DV để khảo sát	-	792.342.040
Chi phí dịch vụ cung cấp và khảo sát lưu lượng xe	780.217.000	
<b>Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&amp;C)</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	
Thu tiền gốc và lãi hỗ trợ vốn	3.099.166.666	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>		
Thu tiền thi công dự án	438.958.511	
Chuyển tiền hỗ trợ vốn		43.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn (lãi)		47.076.041.097
<b>Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	19.000.000.000	
Thu lãi hỗ trợ vốn và khác	677.178.082	
Thu tiền cho thuê văn phòng	704.536.512	88.262.559

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**4. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận</b>		
Nhận tiền cổ tức	6.501.839.644	131.170.000.000
Nhận trước tiền vốn chủ sở hữu	110.718.633.156	
Thu hồi tiền gốc và lãi hỗ trợ vốn	42.185.880.555	3.924.763.887
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và dịch phụ	2.142.911.457	756.000.000
<b>Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	152.200.000.000	104.680.000.000
Thu lãi hỗ trợ vốn	4.834.659.722	5.223.069.890
Thu tiền cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	672.562.949	20.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình</b>		
Thu tiền cổ tức được chia	108.422.000.000	98.002.000.000
<b>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	17.293.000.000	34.970.000.000
Thu tiền phụ cấp thành viên		2.200.000.000
Thu tiền thuê VP	297.272.727	
<b>Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	4.200.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	352.800.002	273.632.878
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và dịch phụ khác	1.814.920.080	734.000.000
<b>Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên</b>		
Thu tiền cho thuê văn phòng	283.418.184	40.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**Thù lao đã chi trả cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	148.542.300	
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	248.313.840	
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	99.028.200	
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	66.018.800	
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	99.028.200	
Ông Phạm Thế Chỉnh	Thành viên	33.009.400	
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên	35.966.667	
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	170.961.533	
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	170.961.533	
<b>Cộng</b>		<b>1.071.830.473</b>	<b>-</b>
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	79.222.560	
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	59.416.920	
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	59.416.920	
<b>Cộng</b>		<b>198.056.400</b>	<b>-</b>

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.587.032.778	1.428.336.300
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	943.444.094	852.436.719
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	432.439.104	-
<b>Cộng</b>		<b>2.962.915.976</b>	<b>2.280.773.019</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 Tháng 01 năm 2023

